

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HS-ST

Ngày 09 – 7 - 2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Cương

Bà Nguyễn Thị Huế

- Thư ký phiên toà: Bà Nông Thị Nhung - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2026/TLST- HS ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Phùng Nải M (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 tại xã C, tỉnh Cao Bằng; Căn cước công dân: 004180001050; Nơi cư trú: xóm P, xã L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Quẩy M1, sinh năm 1945 và bà Sần Tả M2, sinh năm 1947; chồng: Chảo Dâu P, sinh năm 1976, con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, xử phạt hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/3/2026 tại Phân trại tạm giam Bảo Lạc thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh C chuyển Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 01/4/2026 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bế Kim T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

- Người làm chứng: Tần Đào C, sinh ngày 01/01/1988; Nơi cư trú: xóm P, xã L, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng dân tộc Dao: Bà Bàn Mùi P1, sinh năm 1974; Nơi cư trú: xóm F, xã B, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 00 ngày 02/3/2026, tổ công tác Công an xã L phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, đại diện Ban phát triển xóm Phiêng Dăm đến nhà bà Phùng Nải M để tuyên truyền vận động về phòng chống tội phạm thì phát hiện Phùng Nải M có biểu hiện nghi vấn về vi phạm pháp luật. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, bà M tự giác giao nộp 01 túi vải thổ cẩm bên trong túi có 01 gói nilon màu xanh bên trong có 06 gói đều được gói bằng giấy nhiều màu sắc, bên trong các gói giấy đều có chứa chất bột màu trắng (Mình khai là ma túy, loại H) và số tiền 900.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người và tang vật về trụ sở Công an xã L để tiếp tục điều tra làm rõ.

Ngày 02/3/2026, Cơ quan điều tra tiến hành phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng và các thành phần liên quan tiến hành mở niêm phong và cân khối lượng toàn bộ số chất bột màu trắng trong phong bì thư được niêm phong thu giữ khi bắt quả tang Phùng Nải M, kết quả, có khối lượng 0,19 gam và gửi đi giám định. Bản kết luận giám định số 116/KL-KTHS ngày 09/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận. Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine (H1), có tên khoa học Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị định số 28/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất và hoàn lại mẫu giám định 0,1447 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Nải M khai nhận như sau: Phùng Nải M nhận thấy việc mua bán trái phép chất ma túy có lợi nhuận lớn nên M đã tìm mua ma túy về chia nhỏ bán lại cho người khác để kiếm lời. Khoảng 13 giờ ngày 01/3/2026, Phùng Nải M đi làm nương rẫy về nhà, khi đến đoạn đường liên xóm thuộc xóm P, xã L, tỉnh Cao Bằng, M gặp một người phụ nữ Mình không rõ họ tên đang đứng bên đường, nghi ngờ người này có ma túy bán nên M đến hỏi bằng tiếng Dao là có ma túy bán không, M muốn mua với số tiền 300.000 đồng, người này đồng ý bán cho Mình 01 gói được gói bằng túi nilon màu xanh, bên trong gói được gói thêm một lớp giấy nhiều màu sắc, bên trong có chứa ma túy, loại Heroin. Đến tối cùng ngày có một người đàn ông dân tộc Dao có đến nhà của Phùng Nải M để hỏi mua ma túy về sử dụng nhưng do chưa chia nhỏ số ma túy nên M nói với người này là không có ma túy bán. Sau đó M đem số ma túy chia nhỏ thành 08 gói, đều được gói bằng giấy nhiều màu sắc rồi gói chung vào bằng một lớp túi nilon màu xanh rồi cất giấu dưới tấm ván gần bậc cầu thang lên

xuống nhà.

Sáng ngày 02/3/2026, M lấy 08 gói ma túy ra rồi cho vào trong túi vải thổ cẩm và đeo trên người nhằm mục đích nếu có ai hỏi mua thì sẽ bán lại để kiếm lời. Khoảng 14 giờ cùng ngày, người đàn ông dân tộc D, người đã hỏi mua ma túy vào tối ngày 01/03/2026 lại tiếp tục đến nhà M hỏi mua ma túy số tiền 200.000 đồng, M đồng ý. Minh lấy từ trong túi thổ cẩm đưa cho người đàn ông này 02 gói ma túy. Đến 15 giờ cùng ngày, khi Cơ quan Công an đến nhà của M để tuyên truyền vận động, M đã giao nộp chiếc túi thổ cẩm bên trong có 06 gói Heroin.

Cơ quan điều tra đã xác định được người đàn ông mua ma túy với Phùng Nải M ngày 02/3/2026 là Tần Đào C. Sau khi mua ma túy với Phùng Nải M, C đã cất giấu 02 gói ma túy trong túi quần đằng trước bên phải đang mặc rồi đi về nhà để sử dụng nhưng về đến nhà, C không tìm thấy hai gói ma túy, C quay lại dọc đường để tìm vì nghĩ hai gói ma túy này rơi trên đường nhưng cũng không thấy. Cơ quan điều tra đã tiến hành xét nghiệm ma túy trong nước tiểu đối với Tần Đào C, kết quả: Âm tính với ma túy.

Chảo Dầu P là chồng của Phùng Nải M, tại cơ quan điều tra, P khai báo không biết bà M có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, không biết ngày 01/3/2026 và ngày 02/3/2026 có ai đến nhà để hỏi mua ma túy. Ông P thừa nhận có sử dụng ma túy, ngày 26/5/2026, Cơ quan Công an tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu của ông P, Kết quả: Dương tính. Pín khai nhận P sử dụng ma túy, loại Heroin bằng hình thức hít. Cách ngày Cơ quan điều tra xét nghiệm khoảng vài ngày trước, P đã sử dụng ma túy, ma túy P mua với một người đàn ông không quen biết tại đường dân sinh trong xóm K xã N, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 27/5/2026, trong quá trình hỏi cung bị can Phùng Nải M, Minh thay đổi lời khai, cho là nguồn gốc số ma túy bị phát hiện bắt giữ ngày 02/3/2026 là do Chảo Dầu P đưa cho và ép buộc Minh phải cất giữ đồng thời bán cho người khác để kiếm lời, tuy nhiên Chảo Dầu P không thừa nhận. Ngày 28/5/2026, Cơ quan điều tra đã tiến hành “đôi chất”, kết quả, Chảo Dầu P không thừa nhận về việc đưa ma túy cho Phùng Nải M và ép buộc Phùng Nải M bán ma túy cho người khác nhằm kiếm lời.

Các vật chứng thu giữ được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Cao Bằng.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKSCBG-KV ngày 12/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo Phùng Nải M về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Nải M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng. Bị cáo đề nghị được trả lại số tiền 700.000 đồng.

Người làm chứng Tân Đào C xác nhận đã mua ma túy với Phùng Nải M 01 lần vào chiều 02/3/2026, số lượng mua là 02 gói với số tiền 200.000 đồng về để sử dụng.

Trong phần luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Phùng Nải M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

+ Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo M từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng sự.

Tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì niêm phong, 01 túi vải thổ cẩm; 06 mảnh giấy báo, 01 mảnh nilon màu xanh.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng do bị cáo M bán trái phép chất ma túy mà có.

Trả lại cho bị cáo Phùng Nải M số tiền 700.000 đồng.

+ Về án phí: Căn cứ vào quy định của pháp luật, đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Phùng Nải M là ông Bế Kim T tranh luận: Ông T nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát khu vực 5 – Cao Bằng truy tố bị cáo Phùng Nải M về tội Mua bán trái phép chất ma túy khoản 1, Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Ông T đề nghị xem xét thêm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa bị xử lý hình sự, xử phạt hành chính nên có nhân thân tốt; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người dân tộc dân tộc thiểu số, không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là 03 năm tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 700.000 đồng vì số tiền này là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, các vật chứng khác nhất trí với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát; Về án phí, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu

vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí, điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày rất hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Công an xã L, Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Công an xã L, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng, Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Phùng Nải M vì hám lợi bất chính nên đã mua ma túy về rồi chia nhỏ để bán kiếm lời. Ngày 01/3/2026, bị cáo M 01 gói ma túy, bị cáo chia nhỏ được 08 gói. Khoảng 14 giờ ngày 02/3/2026, bị cáo M bán trái phép cho T1 Đào Châu 02 gói ma túy, số tiền 200.000 đồng. Đến 15 giờ ngày 02/3/2026, khi Cơ quan Công an đến nhà của M để tuyên truyền vận động, bị cáo M tự nguyện giao nộp 06 gói Heroin khối lượng 0,19 gam. Hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác của bị cáo Phùng Nải M đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025). Do đó, Cáo trạng số 26/CT-VKSCBG-KV ngày 12/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng đã truy tố bị cáo Phùng Nải M về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất nghiêm trọng đã xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tác hại nhiều mặt đối với đời sống, xã hội. Do đó, cần phải xử phạt

bị cáo thật nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo không được đi học, không biết chữ, sinh sống tại địa phương bằng nghề trồng trọt, trước khi phạm tội bị cáo chưa bị xử lý hình sự, xử phạt hành chính, Hội đồng xét xử xác định bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đều thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế; Hội đồng xét xử xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy tại địa phương, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, răn đe đối với bị cáo, cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ để bị cáo trở thành công dân tốt. Xét khối lượng bị cáo mua bán không lớn, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên chỉ cần xử phạt bị cáo đủ khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội. Mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp, được chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 6 Điều 251 của Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Bị cáo phạm tội do hám lợi bất chính lẽ ra phải xử phạt tiền là hình phạt bổ sung nhưng xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với số ma túy còn lại sau giám định 0,1447 gam được đựng trong 01 phong bì niêm phong là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

01 túi vải thổ cẩm, 06 mảnh giấy báo, 01 mảnh nilon màu xanh là vật chứng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu huỷ theo điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Số tiền 900.000 đồng thu giữ của bị cáo M, trong đó, số tiền 200.000 đồng bị cáo M bán trái phép chất ma túy cho Tân Đào C mà có, là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo điểm b, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Số tiền còn lại 700.000 đồng là tiền của bị cáo M lao động hợp

pháp mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có đề nghị trả lại, được chấp nhận theo điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Số tiền 900.000 đồng đã được chuyển vào số tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng ngày 16/6/2026.

Xác nhận, vật chứng, tài sản được thực hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 41 ngày 16/6/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng.

[10] Về án phí hình sự: Tại phiên toà, bị cáo nộp đơn xin miễn án phí. Xét đơn của bị cáo và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] Các vấn đề liên quan:

Quá trình điều tra Phùng Nải M khai rằng ma túy do Chảo Dâu P đưa cho M để bán, P không thừa nhận, lời khai của M là không có căn cứ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C không có cơ sở để xử lý Chảo Dâu P. Cơ quan điều tra đã xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của P, kết quả Pín dương tính với ma túy, tuy nhiên Chảo Dâu P không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự, Công an xã L, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 11/QĐ-XPHC nên ngày 28/5/2026 đối với Chảo Dâu P về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho Phùng Nải M, người đàn ông bán Heroine cho Chảo Dâu P, do M và P không xác định được tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của những người này, Cơ quan điều tra không có cơ sở mở rộng vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cao Bằng, người bào chữa cho bị cáo đều phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Nải M phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025).

Xử phạt bị cáo Phùng Nải M 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 02/3/2026.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm b, c, khoản 1, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c, khoản 2, điểm a, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng sự.

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 0,1447 gam ma túy được đựng trong 01 phong bì niêm phong, mặt trước ghi: Số 116/KL-KTHS. Hoàn mẫu sau giám định vụ Phùng Nải M có “Hành vi mua bán trái phép chất ma túy”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an tỉnh C;

+ 01 (một) túi vải thổ cẩm một mặt màu đen, một mặt có nhiều hoa văn họa tiết, nhiều màu sắc, kích thước 19cm x 9,5cm;

+ 06 (sáu) mảnh giấy báo nhiều chữ nước ngoài, nhiều màu sắc, kích thước mỗi mảnh 5cm x 5cm;

+ 01 (một) mảnh nilon màu xanh, kích thước 6cm x 10 cm.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Phùng Nải M số tiền 700.000 đồng. Tổng số tiền 900.000 đồng đã được chuyển vào sổ tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng ngày 16/6/2026.

Xác nhận, vật chứng, tài sản được thực hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 41 ngày 16/6/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Cao Bằng.

4. Về án phí hình sự: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phùng Nải M.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo

quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 - Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 5 – Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim